

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2020

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXX-ST ngày 20/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu A, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh A, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu A, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H thể hiện:

Bà H và ông Huỳnh Thanh A chung sống với nhau vào năm 1993, đến năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A không chăm chỉ làm ăn, không chăm lo gia đình, nói chuyện thô lỗ, cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gỗ, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Ông bà đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn **với ông** Huỳnh Thanh A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Thanh B, sinh ngày 19/11/1994, con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh A trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông A thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Thu H về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn; thời gian ly thân và con chung.

Đối với nguyên nhân mâu thuẫn là do thời gian gần đây ông bị gai cột sống, không thể làm việc thường xuyên. Từ tết đến nay, ông không đi làm, kinh tế gia đình do một mình bà H đứng ra lo liệu dẫn đến bà H buồn phiền nên muốn ly hôn với ông. Bà H muốn ra riêng thuê nhà ở trọ nhưng ông không đồng ý nên mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng.

Nay, bà H yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông còn thương vợ thương con. Ông đưa ra biện pháp hàn gắn vợ chồng như sau: Sắp tới, ông sẽ đi làm việc để lo cho cuộc sống gia đình, còn việc bà H yêu cầu ra thuê nhà trọ ở riêng thì đợi đến khi em trai ông cất nhà cho vợ chồng ông xong, hai vợ chồng ông sẽ ra ở riêng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Thanh B, sinh ngày 19/11/1994, con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Thu H nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Huỳnh Thanh A có địa chỉ cư trú tại thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà H và ông A tự nguyện tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 1993, có đăng ký kết hôn ngày 18/02/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Long An nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà H yêu cầu ly hôn vì cho rằng ông A không chăm chỉ làm ăn, không chăm lo gia đình, nói chuyện thô lỗ, cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Ông bà đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Bị đơn ông A thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như lời bà H trình bày. Tuy nhiên, ông A không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con, ông muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này

Xét thấy, bà H và ông A đều thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hai bên không còn sống chung, không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Mâu thuẫn giữa hai bên không hòa giải được. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, ông A không đồng ý, đã đề nghị Tòa án cho thời gian để vợ chồng hàn gắn nhưng đến nay ông cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Do đó, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lê Thị Thu H và ông Huỳnh Thanh A là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà H và ông A có 01 con chung tên Huỳnh Thanh B, sinh ngày 19/11/1994, con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị Thu H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu H được ly hôn với ông **Huỳnh Thanh A**.

Về con chung: Bà H và ông A có 01 con chung tên Huỳnh Thanh B, sinh ngày 19/11/1994, con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004677 ngày 13/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- **UBND** thị trấn B, huyện Đ (**để ghi vào sổ
hộ tịch**);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tho